

Số: /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện, cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong phát triển nguồn nhân lực, hình thành nguồn nhân lực trực tiếp có chất lượng, hiệu quả và kỹ năng nghề cao, phục vụ thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra.

2. Phát triển giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập, chú trọng cả quy mô, cơ cấu, chất lượng đào tạo; quan tâm đầu tư, đẩy mạnh liên kết với các tỉnh và hợp tác quốc tế để phát triển các ngành, nghề đào tạo đạt trình độ của các nước khu vực ASEAN - 4, tiến tới trình độ quốc tế.

3. Phát triển giáo dục nghề nghiệp bám sát nhu cầu của thị trường lao động gắn kết với việc làm thỏa đáng, an sinh xã hội và phát triển bền vững, bao trùm; phát huy tối đa năng lực, phẩm chất của người học; thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

4. Ưu tiên phân bổ ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp trong ngân sách giáo dục - đào tạo và trong các chương trình, dự án của ngành, địa phương; tăng cường xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp ở những địa bàn, ngành, nghề phù hợp.

5. Phát triển giáo dục nghề nghiệp là trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và người dân; được chú trọng trong các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển ngành, các cấp địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển giáo dục nghề nghiệp nhanh, bền vững nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, cơ cấu, chất lượng nhân lực có kỹ năng nghề cho phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang phù hợp trong từng giai đoạn cụ thể.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

Bảo đảm quy mô, cơ cấu ngành, nghề đào tạo cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chất lượng đào tạo Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang tiếp cận trình độ các nước ASEAN - 4; phấn đấu nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo chung của toàn tỉnh lên 72% trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 30%.

Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Thu hút từ 35 - 40% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp; học sinh, sinh viên nữ đạt trên 25% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh mới.
- Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 25% lực lượng lao động.
- Tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề nghiệp đạt 40%.
- Tỷ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp đạt 35%.
- Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 80%.
- Ít nhất 20% cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 3 chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.
- Phấn đấu 100% nhà giáo đạt chuẩn; trên 80% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại.
- Phấn đấu 80% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia.
- Phấn đấu trên địa bàn tỉnh có 01 trường cao đẳng chất lượng cao.
- Thành lập 01 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đến năm 2025 hệ thống giáo dục nghề nghiệp của tỉnh có 12 cơ sở.

2.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề quốc gia; chủ động tham gia vào thị trường đào tạo nhân lực quốc gia; trong đó một số nghề tiếp cận trình độ các nước trong khu vực ASEAN; góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%.

Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Thu hút 40-45% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp; học sinh, sinh viên nữ đạt trên 30% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh mới.
- Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho trên 25% lực lượng lao động.
- Tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề nghiệp đạt 45%.

- Tỷ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp đạt 30%.
- Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 85%.
- Ít nhất 30% cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 100% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.
- Phấn đấu 100% nhà giáo đạt chuẩn; khoảng 90% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại.
- Phấn đấu có 85% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia.
- Duy trì và phát huy năng lực hiệu quả trường cao đẳng chất lượng cao đối với Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang.
- Thành lập 01 cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập thuộc doanh nghiệp để tham gia đào tạo nhân lực phục vụ trực tiếp cho sản xuất kinh doanh.

2.3. Tầm nhìn đến năm 2045

Giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cao; trở thành tỉnh phát triển về giáo dục nghề nghiệp trong khu vực các tỉnh phía Bắc và các nước khu vực ASEAN, bắt kịp trình độ tiên tiến của thế giới, có năng lực cạnh tranh vượt trội ở một số lĩnh vực, ngành, nghề đào tạo.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để đạt được các mục tiêu Kế hoạch, cần thực hiện đồng bộ 08 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, trong đó “Đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất thiết bị và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo” và “Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề và cán bộ quản lý trong giáo dục nghề nghiệp” là giải pháp đột phá. Cụ thể:

1. Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp

- Triển khai hiệu quả Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp và khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia; thực hiện công nhận lẫn nhau về trình độ và kỹ năng nghề với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Nghiên cứu, bổ sung trình độ cao hơn của giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và xu hướng quốc tế.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp, người sử dụng lao động tích cực tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề, chú trọng đào tạo nghề tại nơi làm việc.

- Đổi mới cơ chế, chính sách nhằm thu hút, tuyển dụng cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý về giáo dục nghề nghiệp ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đồng thời bảo đảm yếu tố bình đẳng giới.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh đối với nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề trong giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm yếu tố bình đẳng giới. Hoàn thiện chính sách ưu đãi đối với nhà giáo giảng dạy trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp vùng khó khăn. Có chính sách khuyến khích và cơ chế mở, linh hoạt để thu hút, đào tạo, bồi dưỡng nhà khoa học, cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân, người có kỹ năng nghề cao và kinh nghiệm thực tiễn nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề.

- Nghiên cứu, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách của tỉnh; tổ chức triển khai thực hiện các chính sách do Trung ương ban hành: Thu hút người học các trình độ giáo dục nghề nghiệp thuộc lĩnh vực, ngành, nghề trọng điểm; ngành, nghề nặng nhọc, độc hại, sức khỏe...; chính sách đối với người học thuộc các đối tượng đặc thù như người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, lao động nông thôn, lao động nữ, lao động di dân tái định cư, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, bộ đội xuất ngũ...; chính sách về bình đẳng giới trong giáo dục nghề nghiệp; chính sách hỗ trợ vay vốn khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên và người lao động qua đào tạo nghề nghiệp...

- Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tự do, người lao động thất nghiệp hoặc có nguy cơ thất nghiệp do tác động của cách mạng công nghiệp, thiên tai, dịch bệnh... được tham gia học nghề.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, ban hành chính sách nhằm đẩy mạnh phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp và từng bước phổ cập nghề cho thanh niên.

- Tham gia xây dựng chuẩn hóa các bộ tiêu chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp tiếp cận chuẩn của các nước phát triển trong khu vực ASEAN và thế giới; tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các bộ tiêu chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu xây dựng, cơ chế, chính sách khuyến khích đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp được công nhận là trường chất lượng cao; hoàn thiện chính sách đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo nghề cho các đối tượng đặc thù và lĩnh vực, ngành, nghề đặc thù. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về đào tạo nghề chất lượng cao.

- Sắp xếp, tổ chức mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, dễ tiếp cận, đa dạng về loại hình, hình thức tổ chức, phân bổ hợp lý về cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ, cơ cấu vùng miền, đủ năng lực đáp ứng nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề nghiệp nhất là nhân lực chất lượng cao. Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, có vốn đầu tư nước ngoài, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong doanh nghiệp.

- Phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng về giáo dục nghề nghiệp tiếp cận “quản lý rủi ro” và đẩy mạnh “hậu kiểm”. Nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính tự chủ đồng thời gắn với trách nhiệm giải trình, phát huy vai trò người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ quan quản lý các cấp. Đổi mới công tác thanh tra, kiểm định, đánh giá và công nhận chất lượng giáo dục nghề

ng nghiệp. Nghiên cứu xây dựng và áp dụng khung bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp quốc gia, chương trình đào tạo thuộc các lĩnh vực, ngành, nghề đặc thù.

2. Đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất thiết bị và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo

2.1. Đẩy nhanh chuyển đổi số

- Chuyển biến căn bản nhận thức và nhanh chóng nâng cao năng lực chuyển đổi số của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Phát triển đồng bộ hạ tầng số bao gồm hạ tầng dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở địa phương và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Phát triển, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác góp phần hình thành cơ sở dữ liệu mở quốc gia.

- Xây dựng các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung và hỗ trợ dạy học trực tuyến các cấp độ trong giáo dục nghề nghiệp. Đề xuất chính sách khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển các nền tảng số.

- Phát triển kho học liệu số ở tất cả các trình độ, ngành nghề đào tạo, dùng chung toàn ngành và liên kết với quốc tế. Đầu tư nâng cấp các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành ảo, thiết bị ảo, thiết bị tăng cường ở những ngành, nghề phù hợp.

2.2. Hiện đại hóa cơ sở vật chất thiết bị

- Cập nhật, triển khai áp dụng những nội dung được chỉnh sửa của tiêu chuẩn quốc gia cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm; định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu cho các ngành, nghề theo các cấp độ và trình độ đào tạo.

- Hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, định hướng phân tầng chất lượng và đặc thù các ngành, nghề đào tạo. Tăng cường gắn kết với doanh nghiệp để khai thác, sử dụng thiết bị đào tạo tại doanh nghiệp. Phát triển mô hình “nhà trường thông minh, hiện đại”, “nhà trường xanh”.

2.3. Đổi mới chương trình, phương thức đào tạo

- Xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam có tham chiếu các chuẩn khu vực và quốc tế. Đổi mới quy trình, phương pháp phát triển chương trình đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, liên thông dựa trên mô đun, tín chỉ và các quy đổi tương đương, đáp ứng chuẩn đầu ra và khối lượng học tập tối thiểu. Cập nhật, phát triển chương trình đào tạo các ngành, nghề mới theo chủ trương, định hướng, nhu cầu và giải pháp phát triển kinh tế đối với từng lĩnh vực ngành; ngành, nghề công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ mới, kỹ năng tương lai và các chương trình đào tạo cho người lao động trong các doanh nghiệp theo hình thức vừa làm vừa học ở trình độ trung cấp, cao đẳng.

- Khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, các chương trình đào tạo cho người nước ngoài tại Việt Nam.

- Đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo với sự ứng dụng mạnh mẽ của công nghệ thông tin. Phát triển mạnh học nghề tại nơi làm việc; chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho người lao động. Đẩy mạnh triển khai liên kết nhà trường và doanh nghiệp.

- Thí điểm, triển khai một số mô hình đào tạo mới, nhất là đào tạo những ngành, nghề đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nền kinh tế số và phát triển bền vững, bao trùm trong giáo dục nghề nghiệp. Đánh giá, nhân rộng đào tạo theo các chương trình chuyển giao từ nước ngoài. Áp dụng công nghệ đào tạo, nhân rộng các mô hình đào tạo tiên tiến của các nước phát triển; thí điểm mời giảng viên nước ngoài giảng dạy một số ngành, nghề chất lượng cao theo chuẩn quốc tế.

- Đổi mới, đa dạng phương thức kiểm tra, đánh giá, có sự tham gia và thừa nhận của người sử dụng lao động. Triển khai công nhận kỹ năng, trình độ của người học, người lao động đã tích lũy từ học tập và kinh nghiệm làm việc thực tế ở trong và ngoài nước.

- Giáo dục toàn diện, chú trọng đến phát triển phẩm chất, bình đẳng giới, hình thành các kỹ năng cốt lõi, kỹ năng mềm, kỹ năng số, trình độ ngoại ngữ và cá thể hóa người học.

3. Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề và cán bộ quản lý trong giáo dục nghề nghiệp

3.1. Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề

- Hoàn thiện các chuẩn và chuẩn hóa nhà giáo, chú trọng kinh nghiệm thực tiễn và năng lực nghề nghiệp trong kỷ nguyên số, phương pháp dạy học hiện đại, tích hợp các kỹ năng cốt lõi mà thế kỷ XXI đòi hỏi cùng kỹ năng mềm, kỹ năng số, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp.

- Xây dựng và triển khai cơ chế định kỳ thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm cho nhà giáo.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, đa dạng hoá các chương trình, phương thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho nhà giáo. Đào tạo, bồi dưỡng tại các nước có hệ thống giáo dục nghề nghiệp phát triển đối với nhà giáo giảng dạy ngành, nghề trọng điểm cấp độ ASEAN, quốc tế.

- Thực hiện công nhận kỹ năng, trình độ đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ ở ngành nghề khác chuyển sang làm giáo viên, giảng viên.

- Phát triển mạnh đội ngũ nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề đủ năng lực tham gia đào tạo các cấp trình độ của giáo dục nghề nghiệp.

- Triển khai hiệu quả các cộng đồng, mạng lưới kết nối đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia và người dạy nghề trong giáo dục nghề nghiệp.

3.2. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp

- Chuẩn hóa cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng chú trọng kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, trình độ ngoại ngữ. Phát triển nhanh và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm định, bảo đảm chất lượng, đội ngũ thanh tra, công tác viên thanh tra chuyên ngành.

- Định kỳ, thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp các cấp, đặc biệt ở cấp địa phương. Hỗ trợ, khuyến khích phát triển đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo tại doanh nghiệp.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý các cấp tại các nước có hệ thống giáo dục nghề nghiệp phát triển về mô hình tổ chức bộ máy, quản lý giáo dục nghề nghiệp, quản trị cơ sở giáo dục nghề nghiệp..., nhằm hình thành đội ngũ cán bộ nguồn để nhân rộng trong hệ thống.

4. Gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động

- Xây dựng và thực thi cơ chế hợp tác giữa nhà nước, nhà trường, nhà doanh nghiệp, người sử dụng lao động, các tổ chức chính trị - xã hội, trong các hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở hài hòa lợi ích và trách nhiệm xã hội.

- Xây dựng các mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất - kinh doanh và thị trường lao động theo từng vùng, địa phương, phù hợp với từng nhóm đối tượng, trong đó chú trọng đối tượng đặc thù, lao động từ khu vực phi chính thức, lao động bị thất nghiệp hoặc có nguy cơ thất nghiệp.

- Đẩy mạnh hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp, người sử dụng lao động thông qua nâng cao năng lực, phát triển các quy trình, công cụ thu thập, cập nhật và tổng hợp dữ liệu, thông tin về cung, cầu đào tạo nghề nghiệp.

- Đẩy mạnh dự báo nhu cầu đào tạo nghề nghiệp đặc biệt các ngành nghề khoa học - kỹ thuật - công nghệ, ưu tiên cho công nghệ thông tin, công nghệ mới, công nghệ cao, các kỹ năng tương lai. Khai thác hiệu quả dữ liệu, thông tin thị trường lao động quốc gia kết hợp với điều tra định kỳ hoặc đột xuất về nhu cầu lao động, nhu cầu kỹ năng, nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp, người sử dụng lao động và phản hồi của người tốt nghiệp phục vụ quản lý và đào tạo.

- Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm, trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ người học tìm việc làm sau tốt nghiệp; gắn kết đào tạo với việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

5. Nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ; hướng nghiệp, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp và các tổ

chức khoa học - công nghệ về giáo dục nghề nghiệp. Hình thành trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao.

- Tăng cường nghiên cứu khoa học giáo dục nghề nghiệp theo hướng ứng dụng và chuyển giao công nghệ với sự tham gia của người học, nhà giáo, chuyên gia, nghệ nhân, người sử dụng lao động. Gắn hoạt động đào tạo với chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Đẩy mạnh thực hiện nghiên cứu khoa học theo cơ chế đặt hàng; gắn kết các tổ chức nghiên cứu khoa học với nhà trường và doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh hướng nghiệp trước, trong và sau đào tạo nghề nghiệp; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho người học và các hoạt động hỗ trợ người học khởi nghiệp, tự tạo việc làm; xây dựng không gian khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo giáo dục nghề nghiệp tại các vùng.

6. Tăng cường huy động và nâng cao hiệu quả đầu tư tài chính cho giáo dục nghề nghiệp

- Tăng ngân sách nhà nước cho giáo dục nghề nghiệp hàng năm. Ưu tiên phân bổ ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp trong các chương trình, dự án của quốc gia, ngành, địa phương.

- Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia giáo dục nghề nghiệp. Thúc đẩy sự hỗ trợ, tài trợ của các nước phát triển, các tổ chức quốc tế đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp.

- Đẩy mạnh tự chủ đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. Tăng cường nguồn thu sự nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động liên doanh liên kết và cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

- Huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp, nguồn tài chính công đoàn, nguồn tài chính của các tổ chức chính trị - xã hội, các quỹ hợp pháp khác để đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng kỹ năng cho người lao động.

- Ưu tiên đầu tư đồng bộ cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao đặc biệt các cơ sở thực hiện chức năng đào tạo và thực hành; cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại các vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ngành, nghề trọng điểm, kỹ thuật cao; nghề “xanh”; ngành, nghề đào tạo mới, kỹ năng tương lai; ngành, nghề đào tạo đặc thù.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp để tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng, nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo, đối tượng chính sách khi sử dụng dịch vụ giáo dục nghề nghiệp; chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đầu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng và số lượng đầu ra.

7. Truyền thông, nâng cao hình ảnh, thương hiệu và giá trị xã hội của giáo dục nghề nghiệp

- Hình thành hệ sinh thái truyền thông giáo dục nghề nghiệp với sự tham gia của hệ thống chính trị, chính quyền các cấp, cơ sở đào tạo, người học, người

sử dụng lao động và cộng đồng xã hội nhằm nâng cao nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp, tầm quan trọng của kỹ năng lao động và cơ hội có việc làm, thu nhập ổn định sau đào tạo nghề nghiệp.

- Hình thành đội ngũ làm công tác truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, nâng cao năng lực cho các cán bộ truyền thông trong cơ quan quản lý nhà nước và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Đa dạng hoá các hoạt động truyền thông và hình thức triển khai, xây dựng chuyên trang, chuyên mục, kênh, sóng riêng về giáo dục nghề nghiệp, phát thanh tại khu vực nông thôn, bảo đảm thông tin tin cậy, đầy đủ, kịp thời, phù hợp với từng nhóm đối tượng về hình ảnh, vị thế, thông điệp quốc gia về giáo dục nghề nghiệp, ngày kỹ năng lao động Việt Nam, tuần lễ kỹ năng nghề... Tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

- Tổ chức các chương trình, sự kiện, cuộc thi, giải thưởng, danh hiệu nhằm tôn vinh người học, nhà giáo, người dạy nghề, cán bộ quản lý, người sử dụng lao động, lao động có kỹ năng, các tổ chức có nhiều thành tích, đóng góp cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề.

- Xây dựng chương trình truyền thông địa phương chia sẻ thành công của những người tốt nghiệp các trình độ giáo dục nghề nghiệp, các mô hình đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp thành công trong giáo dục nghề nghiệp. Hằng năm, bổ nhiệm và nâng cao năng lực các đại sứ kỹ năng nghề.

- Chủ động tham gia, định hướng các mạng xã hội về giáo dục nghề nghiệp bảo đảm thống nhất, tạo môi trường số kết nối, chia sẻ giữa cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đơn vị sử dụng lao động, gia đình, nhà giáo, người học; hình thành mạng xã hội giáo dục nghề nghiệp mở.

8. Nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế về giáo dục nghề nghiệp

- Mở rộng, nâng cao hiệu quả hợp tác toàn diện giữa tỉnh Tuyên Quang với một số địa phương của các nước có mối quan hệ ngoại giao, các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; đẩy mạnh đàm phán, ký kết, triển khai các thỏa thuận, chương trình hợp tác với đối tác quốc tế, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam trong việc hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp, học sinh, sinh viên nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

- Tích cực tham gia các cuộc thi, tổ chức, diễn đàn về giáo dục nghề nghiệp.

- Hình thành mạng lưới chuyên gia quốc tế trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Tăng cường hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài, đặc biệt trong việc tiếp nhận chuyển giao chương trình, giáo trình, học liệu, phương pháp giảng dạy và học tập; trao đổi giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên, chuyên gia quốc tế.

- Đa dạng hóa các hoạt động giao lưu văn hoá, thể dục thể thao giữa học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong khu vực và quốc tế.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm:

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp hằng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành.
2. Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác.
3. Nguồn vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn ODA.
4. Nguồn thu từ học phí; thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động liên doanh, liên kết; cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.
5. Huy động của các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và các nguồn thu, quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương và cơ quan có liên quan xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chi tiết hằng năm; bám sát các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án về giáo dục nghề nghiệp theo quy định hiện hành để tham mưu cấp có thẩm quyền thực hiện theo đúng quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh làm việc với các bộ, ngành, cơ quan Trung ương liên quan để huy động nguồn lực thực hiện Kế hoạch.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, giám sát và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch định kỳ hằng năm (trước ngày 15 tháng 12); tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo sơ kết 05 năm, tổng kết 10 năm thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành liên quan tham mưu ban hành cơ chế, chính sách đẩy mạnh phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp.

- Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì bố trí vốn đầu tư phát triển thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

4. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát kinh phí thực hiện các Chương trình, Đề án được duyệt theo phân cấp ngân sách, thẩm định dự toán và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước tại địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác trong từng giai đoạn.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc triển khai, tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

6. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất triển khai thực hiện đề tài, dự án, hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo đối với giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

7. Ban Dân tộc: Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thực hiện giáo dục nghề nghiệp tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ở địa phương.

8. Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: Xây dựng tin, bài, phóng sự tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng. Tăng cường thời lượng, chất lượng tin bài tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp.

9. Hội Khuyến học tỉnh: Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược vào kế hoạch triển khai Chương trình “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị giai đoạn 2021-2030”.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về nội dung Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đến đoàn viên, hội viên và nhân dân trên địa bàn.

- Giám sát các hoạt động giáo dục nghề nghiệp, tư vấn phản biện xã hội đối với các cơ chế, chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp.

- Tỉnh đoàn Tuyên Quang: Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược vào kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển thanh niên tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2030. Thực hiện tuyên truyền cho thanh niên về vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp, tầm quan trọng của kỹ năng lao động và cơ hội có việc làm, thu nhập ổn định sau đào tạo nghề nghiệp.

11. Trung tâm xúc tiến đầu tư, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

- Tổ chức tuyên truyền về nội dung Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Hằng năm đề xuất yêu cầu, nhu cầu về nhân lực có kỹ năng nghề đối với các loại hình doanh nghiệp.

- Huy động thành viên, hội viên tích cực triển khai chiến lược, tham gia các hoạt động giáo dục nghề nghiệp, tham gia các chương trình, dự án, đề án phù hợp với định hướng chiến lược.

- Kêu gọi cộng đồng doanh nghiệp, người sử dụng lao động tham gia tích cực vào việc hỗ trợ nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động.

12. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Căn cứ kế hoạch này, trên cơ sở mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và các chương trình, dự án, đề án của Trung ương và của tỉnh xây dựng kế hoạch 5 năm và hằng năm để phát triển giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý đồng thời bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Khuyến khích các địa phương thành lập hội đồng giáo dục nghề nghiệp với vai trò là cơ quan liên ngành tư vấn chính sách, khuyến nghị và điều phối, xây dựng, giám sát các chương trình hỗ trợ đổi mới giáo dục nghề nghiệp của địa phương.

- Tuyên truyền, kiểm tra việc thực hiện các chương trình dự án, tiêu dự án trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

13. Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh

- Xây dựng kế hoạch của đơn vị để triển khai thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh phù hợp với tình hình thực tế tại cơ sở.

- Bố trí kinh phí, huy động nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa phù hợp với điều kiện của đơn vị để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết và định kỳ hằng năm gửi báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch Thực hiện Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Đề nghị các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- UB MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Chánh VP, PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị địa phương được giao nhiệm vụ trong kế hoạch;
- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Công TĐT tỉnh;
- Lưu: VT, THVX (Ntg).

(báo cáo)

(thực hiện)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Việt Phương